

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1 Thông tin chung

- Tên dự án: Khai thác mỏ đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường tại xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa.

- Địa điểm thực hiện dự án: xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

- Chủ dự án: HTX Dịch vụ vận tải Xây dựng Mộc dân dụng Quang Huy.

+ Đại diện: Ông Vũ Quang Huy; Chức vụ: Giám đốc;

+ Địa chỉ: Thôn Xuân Hưng, xã Như Thanh, tỉnh Thanh Hóa;

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801137507.

1.2. Phạm vi, quy mô, công suất

- Phạm vi dự án: Diện tích khu vực lập dự án đầu tư là 5,2 ha, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 8.

- Quy mô, công suất dự án:

Năm khai thác	Công suất khai thác		
	Đá vôi làm VLXDTT (m ³ /năm)	Đất san lấp (m ³ /năm)	Tổng (m ³ /năm)
02 năm đầu	130.000	200.000	330.000
Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5	130.000	30.000	160.000
Từ năm thứ 6 đến năm thứ 15	100.000	9.000	109.000
Năm thứ 16	83.859	2.627	86.486
Tổng	1.733.859	582.627	2.316.486

- Thời gian xin khai thác là 16 năm 06 tháng, trong đó thời gian xây dựng cơ bản là 06 tháng kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cho thuê đất.

1.3. Công nghệ sản xuất

a. Khai thác đá vôi làm VLXD thông thường:

- Bước 1: Phá đá làm đường lên vị trí tuyến tiếp nhận đá từ cốt +23,0 m lên cốt +90,0 m;

- Bước 2: Từ mặt bằng tiếp nhận đá nguyên khai, làm đường cho máy xúc lên núi từ cốt +90,0 m lên cốt +120,0 m;

- Bước 3: Tại vị trí khai thác tiến hành mở moong bằng cách cắt tầng theo lớp khai thác, mỗi tầng có chiều cao trung bình 10,0 m, chiều rộng mặt tầng khai thác tối thiểu là 25,0 m; chiều dài tầng khai thác từ 75 ÷ 125 m;

Bước 3: Tầng khai thác chiều cao trung bình 10,0 m và chiều rộng mặt tầng khai thác tối thiểu là 25,0 m. Mỗi cấp lại chia làm 2 phần để khoan nổ mìn, phần ngoài tiến

hành trước, phần trong tiến hành sau, chiều dài các phần khai thác chạy dọc theo hướng của tầng khai thác. Sau mỗi đợt nổ mìn phá đá, công nhân tiến hành xử lý đá còn lưu lại trên vách tầng, gia công xử lý phá đá quá cỡ, sau đó cho lăn, rơi theo bề mặt lớp xuống tuyến tiếp nhận đá. thu hồi sản phẩm theo từng kích thước, tiếp đó vận chuyển về khu vực chế biến;

Căn cứ đặc điểm cấu tạo, thể nằm cụ thể của từng lớp đá, khu vực mỏ được phân thành nhiều tầng khai thác nhau, mỗi tầng khai thác có chiều cao trung bình 10,0 m, chiều cao tầng kết thúc là 30,0 m.

b. Khai thác đá khối để xẻ bằng phương pháp cắt dây kim cương

Đá sau khi khai thác sẽ được chế biến tại trạm nghiền và xưởng xẻ trong khu vực mỏ; đất san lấp được vận chuyển đến các công trình có nhu cầu.

1.4. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

1.4.1. Các hạng mục công trình chính

1. Tuyến đường ngoại mỏ:

- Kết nối từ khu vực lập dự án ra đường QL45.

+ Hiện trạng: Tiếp giáp với khu vực lập dự án là mỏ của công ty đang khai thác theo Giấy phép số 294/GP-UBND ngày 19/8/2014 nên tuyến đường này đã hoàn thành và đang sử dụng với các thông số như sau:

+ Đầu đường: Cốt +15,0 m;

+ Cuối đường: Cốt +30,0 m;

+ Góc dốc trung bình 1,43 %;

+ Chiều dài 1.050 m;

+ Chiều rộng mặt đường B = 6,0 m;

2. Tuyến đường nội mỏ (Đường vận tải bằng ô tô)

+ Kết nối từ tuyến đường ngoại mỏ lên tuyến xúc ban đầu

+ Đầu đường: Cốt +63,85 m;

+ Cuối đường: Cốt +90,0 m;

+ Góc dốc trung bình 11,67 %;

+ Chiều dài 224 m;

+ Chiều rộng mặt đường B = 6,0 m;

+ Khối lượng đào: $V_{\text{đào}} = 16.955 \text{ m}^3$;

+ Kết cấu: Nền đá gốc, mặt dãi đá dăm cấp phối lu lèn chặt.

2. Thi công làm đường máy xúc lên núi

- Từ tuyến tiếp nhận đá lên tầng công tác ban đầu.

+ Đầu đường: Cốt +90,0 m;

+ Cuối đường: Cốt +120,0 m;

+ Góc dốc trung bình 30°;

+ Chiều dài 60,0 m;

+ Chiều rộng mặt đường B = 4,0 m;

+ Khối lượng đào: $V_{\text{đào}} = 1.208 \text{ m}^3$;

+ Kết cấu: Nền đá gốc.

3. Bạt ngọn tạo tầng công tác ban đầu

+ Cao độ sau thi công: Cốt +120,0 m;

+ Diện tích thi công đào: 705 m²

+ Khối lượng đào: $(705 \text{ m}^2/3) \times 7,2 \text{ m} = 1.692 \text{ m}^3$.

4. Xén chân tuyến tạo tuyến tiếp nhận đá tại cốt +90,0m:

+ Cao độ sau thi công: Cốt +90,0m;

+ Diện tích: 1.255 m²;

+ Khối lượng đào: $(1.255 \text{ m}^2/3) \times 10\text{m} = 4.183 \text{ m}^3$.

5. Bãi tập kết đá và trung chuyển đá: Đá sau khi khai thác được tập kết tại mặt bằng tiếp nhận đá sau đó được vận tải về khu chế biến theo tuyến đường mở vỉa. Bãi có diện tích 450 m² kích thước dài 30,0m x rộng 15,0m. Tại khu vực lập dự án không có hoạt động chế biến khoáng sản.

6. Bãi thải: Bố trí 01 bãi thải (di động) diện tích 300 m² kích thước dài 30,0m x rộng 10,0m để thu gom đất đá thải.

7. Lán tạm: Bố trí 01 lán tạm (bằng thùng container loại 12 feet) diện tích 15 m² kích thước dài 6.1m x rộng 2,45m x cao 2,58 m để công nhân nghỉ giải lao và thay ca.

8. Nhà vệ sinh: Bố trí 01 nhà vệ sinh di động để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt; hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ hút, vận chuyển, xử lý với tần suất 02 ngày/lần hoặc khi gần đầy bể, không xả thải ra môi trường.

9. Téc nước: Bố trí 01 téc nước có thể tích 10m³ để cung cấp nước cho quá trình cắt dây.

10. Các công trình phụ trợ khác: Sử dụng chung với khu mỏ được UBND tỉnh Giấy phép khai thác khoáng sản và thuê đất số 418/GP-UBND ngày 02/11/2015 và Giấy phép khai thác khoáng sản 182/GP-UBND ngày 17/9/2021.

1.4.2. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động khai thác đá vôi làm VLXD thông thường gồm: Khoan nổ mìn, xúc bốc, khai thác đá bằng phương pháp cắt dây kim cương, hoạt động trạm nghiền sàng, xưởng xẻ đá, vận chuyển đá về khu vực chế biến, vận chuyển sản phẩm đi tiêu thụ.

- Hoạt động khai thác đá khối để xẻ: Khoan, luồn dây cắt và cắt đá bằng máy cắt dây kim cương, xúc bốc, vận chuyển đi tiêu thụ hoặc đưa về khu vực chế biến ngoài mỏ.

- Hoạt động sinh hoạt của công nhân khai thác tại mỏ: Hoạt động vệ sinh cá nhân tại khu vực khai thác, các hoạt động khác tại khu vực mỏ.

1.5. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường:

Dự án không có yếu tố nhạy cảm theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 28 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều luật bảo vệ môi trường và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị

định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 và Nghị định 05/NĐ-CP ngày 06/01/2025.

2.2. Tác động môi trường của dự án đầu tư:

2.2.1. Trong giai đoạn xây dựng:

a. Tác động do nước thải:

- Nước thải vệ sinh, tắm giặt chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform và các vi sinh vật gây bệnh,...

+ Nước thải xây dựng có chứa nhiều bùn đất và dầu mỡ.

+ Nước mưa chảy tràn, nước tháo khô mỏ cuốn theo bùn đất, rác thải khu vực thi công, khai thác, chế biến tại khu vực đã được cấp phép.

+ Nước vệ sinh thiết bị máy móc chứa nhiều bùn đất và dầu mỡ.

b. Tác động do bụi và khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động khoan phá đá thi công tuyến đường hào lên núi.

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động bốc xúc trút đổ.

+ Bụi, khí thải do hoạt động vận chuyển đất đá thừa.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ các máy móc thi công xây dựng (Khoan phá đá thi công tuyến đường lên núi, bốc xúc, vận chuyển, đốt dầu DO) và hoạt động khai thác tại khu vực đã cấp phép (khoan lỗ mìn, nổ mìn, khai thác đá, bốc xúc đá sau nổ mìn, bụi bay bốc theo lớp xe trong quá trình vận chuyển, đốt dầu DO). Thành phần ô nhiễm chính bao gồm: bụi, CO, SO₂, NO₂.

c. Tác động do chất thải rắn thông thường.

+ Chất thải rắn sinh hoạt gồm: thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, nilon...

+ Chất thải rắn xây dựng chủ yếu là đất đá thừa từ quá trình thi công các hạng mục công trình; gạch đá, xi măng rơi vãi trong quá trình xây dựng.

+ Chất thải rắn từ quá trình khai thác tại khu vực đã cấp phép chủ yếu là đất phong hóa, đất xen kẹt trong quá trình khai thác.

d. Tác động do chất thải rắn nguy hại.

Dầu thải máy móc trong quá trình thi công; Chất thải rắn nguy hại bao gồm các thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu, thuốc nổ, dây cháy chậm, kíp mìn hết hạn hoặc không sử dụng được,...

2.2.2 Trong giai đoạn dự án đi vào hoạt động

a. Tác động do nước thải

- Nước thải vệ sinh, nước thải rửa tay... chủ yếu chứa chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, coliform,.

- Nước mưa chảy tràn cuốn theo bùn đất, rác thải đi vào dòng thải.

b. Tác động do bụi và khí thải:

+ Bụi phát sinh từ hoạt động khoan lỗ mìn.

+ Bụi từ quá trình nổ mìn phá đá.

+ Bụi từ quá trình cắt dây kim cương.

+ Bụi từ hoạt động trạm nghiền sàng, xường xẻ đá.

- + Bụi, khí thải do bốc xúc nguyên vật liệu, đất đá thải tại chân tuyến.
- + Bụi, khí thải do vận chuyển đá về khu vực chế biến/ tiêu thụ (nằm ngoài mỏ).

c. Tác động do chất thải rắn:

- Chất thải rắn sinh hoạt bao gồm thức ăn thừa, nhựa, vỏ chai nhựa, nilon...
- Chất thải rắn từ quá trình khai thác chủ yếu là đất đá, thực vật từ quá trình bóc bỏ lớp phủ phong hóa, đất xen kẹp trong đá.

d. Tác động do chất thải nguy hại

Dầu thải máy móc và chất thải rắn nguy hại bao gồm các thùng phuy, can, vỏ nhựa, giẻ lau dính dầu, thuốc nổ, dây cháy chậm, kíp mìn hết hạn hoặc không sử dụng được...

e. Các tác động khác.

+ Tác động do nổ mìn: khoảng cách an toàn đối với người và công trình do đá văng.

+ Tác động do tiếng ồn.

+ Tác động do độ rung.

2.3. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1. Về thu gom và xử lý nước thải.

- Nước mưa chảy tràn tại khu vực mỏ thoát theo độ dốc tự nhiên của khu vực khai thác mỏ sau đó chảy vào rãnh thoát nước tại khu vực khai trường; Nước mưa chảy tràn tại khu vực khai trường bố trí các rãnh thu gom và thoát nước như sau:

+ Đối với nước mưa chảy tràn tại khu vực sân công nghiệp được thu gom qua rãnh thu dẫn về hồ lắng để lắng cặn. Nước sau lắng cặn phần lớn được sử dụng bơm cấp cho hoạt động giảm bụi tại khai trường; một phần (khi vượt quá khả năng chứa của hồ thu nước sẽ theo hệ thống thoát nước chung của khu vực;

+ Đối với khu vực xây dựng các công trình phụ trợ: Tự chảy tràn trên bề mặt sân đường đã được bê tông hoá vào rãnh thoát nước chung của khu vực sân công nghiệp sau đó chảy xuống thoát nước chung của khu vực;

+ Xung quanh hồ thu nước được gia cố bằng đất nền đầm chặt để tránh hiện tượng sụt lở đất. Nước sau hồ thu nước một phần tuần hoàn tái sử dụng để phun nước giảm bụi khu vực khai trường; một phần chảy ra hệ thống thoát nước chung của khu vực;

+ Đối với nước thải sinh hoạt được thu gom và xử lý bằng nhà vệ sinh di động, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng mang đi xử lý theo quy định.

2.3.2. Về xử lý bụi, khí thải.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Xây dựng nội quy, quy trình cho từng khâu, từng hoạt động trong khai thác như: khoan, nổ mìn; cắt dây kim cương, vận hành thiết bị, máy móc...

- Tiến hành phun sương liên tục tại khu vực tuyến tiếp nhận đá sau nổ mìn, khu vực bãi tập kết, bãi thải và các khu vực khác trên bề mặt sân công nghiệp với việc sử

dụng hệ thống đường ống bơm dẫn nước và các béc phun tự động để phun ẩm giảm bụi. Lượng nước được bơm trực tiếp từ nguồn nước mặt tại Hồ thu nước để cấp cho sản xuất.

- Thường xuyên quét dọn vệ sinh khu vực sân công nghiệp, phối hợp với chính quyền địa phương thu gom vận chuyển ra bãi sinh hoạt đưa đi xử lý theo quy định;

- Công ty thuê 1 xe bồn tưới nước chuyên dụng để phun nước tại khu vực khai trường và dọc tuyến đường vận chuyển vào khu mỏ;

- Khu vực nghiền sàng và xưởng xe đá bố trí hệ thống dập bụi.

- Các phương tiện vận tải và máy móc cần phải tuân thủ quy trình kiểm định.

- Bố trí khu vực rửa bánh xe vận chuyển ra vào khu vực mỏ. Khu vực rửa lốp bánh xe được bố trí gần khu vực sân công nghiệp để thu gom và xử lý nước rửa lốp bánh xe;

2.3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- *Đối với chất thải rắn sinh hoạt*

Bố trí thùng đựng rác để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân

Hợp đồng với Tổ vệ sinh môi trường tại địa phương sẽ đến vận chuyển đi xử lý theo quy định;

- *Đối với CTR từ quá trình khai thác*

Đất đá thải từ quá trình khai thác: Một phần được sử dụng để san lấp mặt bằng, cải tạo tuyến đường nội mỏ, một phần được lưu tại bãi thải để tránh tràn ra bên ngoài. Những ngày nắng, hanh khô, tiến hành phun ẩm đất đá thải tại bãi thải để tránh khi gặp gió phát sinh bụi.

2.3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

- *Đối với dầu mỡ thải:* Công ty bố trí thùng phi mỗi thùng có dung tích 200 lít để thu gom; Các thùng có nắp đậy, dán nhãn và vận chuyển vào kho chứa chất thải nguy hại tại kho chất thải nguy hại.

- *Đối với chất thải nguy hại dạng rắn:* giẻ lau dính dầu, pin, acquy hỏng... tiến hành phân loại và thu gom vào các thùng chứa có dán nhãn mác theo quy định, sau đó chuyển vào kho chứa CTNH để lưu giữ;

- Công ty ký hợp đồng với đơn vị có chức năng khác thu gom vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại.

2.3.5. Biện pháp giảm thiểu tác động do nổ mìn, tiếng ồn.

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do nổ mìn.

- Kiểm tra điện trở tất cả các loại kíp ở khu vực không có dân cư và cách xa kho vật liệu nổ.

- Thông báo lịch nổ mìn đến UBND xã Biện Thượng và xã Tống Sơn, các mỏ đang khai thác lân cận.

- Yêu cầu công nhân chấp hành nghiêm chỉnh quy định về nổ mìn.

- Lựa chọn thời điểm nổ mìn hợp lý; thu dọn đá cục tại khu vực tiến hành nổ mìn.
- Di tản người lao động và máy móc ra khỏi khu vực bán kính 150m tính từ vị trí dự kiến nổ mìn trước khi nổ mìn 15 phút, nghiêm cấm người dân vào khu mỏ trong thời gian nổ mìn, thu gom, phân loại đá văng sau đó được vận chuyển về bãi tập kết đá.

b. Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn

- Thực hiện đúng kỹ thuật nạp thuốc nổ và búa vào lỗ mìn; lựa chọn thời điểm nổ mìn hợp lý và được sự đồng thuận với chính quyền địa phương. Đồng thời, thông báo rộng rãi cho công nhân và nhân dân trong vùng về thời điểm nổ mìn.

- Yêu cầu các chủ phương tiện kiểm tra thiết bị thường xuyên và đảm bảo chế độ kiểm định, bảo dưỡng xe máy theo đúng định kỳ quy định, hạn chế hoạt động đồng thời đối với các nguồn âm lớn. Trang bị bảo hộ lao động như: bông tai, nút tai thích hợp...

2.4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a. Chương trình quản lý và giám sát môi trường

Theo quy định tại Điều 111, Điều 112 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 và Điều 97, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 46 nghị định số 05/2025/NĐ-Cp ngày 06/01/2025 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải, khí thải.

Như vậy, dự án thuộc đối tượng không phải giám sát môi trường theo chương trình quan trắc môi trường định kỳ hàng năm.

b. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Tại khu vực khai trường khai thác: hàng năm, tiến hành gia cố bờ đáy mỏ khai thác và các tầng khai thác, gia cố mái taluy xung quanh khu vực khai trường đã kết thúc khai thác, hạn chế sạt lở ra khu vực xung quanh.

- Định kỳ nạo vét hệ thống mương thu thoát nước và hồ lắng.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mức nước trong hồ lắng (trong trường hợp mưa lớn), nhằm kịp thời xử lý các tình huống tránh sự cố xảy ra; không để nước sau xử lý tại hồ lắng chảy tràn vào khu vực ao các của các hộ dân xung quanh.

- Thực hiện nổ mìn theo đúng hộ chiếu nổ mìn đã được phê duyệt.

- Trang bị bình chữa cháy, kiểm tra đường dây, thiết bị điện, cấm hút thuốc ở gần kho vật liệu nổ công nghiệp.

- Thực hiện theo phương án ứng phó sự cố khi xảy ra sạt lở, đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật hiện hành.

- Yêu cầu công nhân tuân thủ nghiêm túc an toàn lao động; thực hiện chương trình kiểm tra và giám sát sức khỏe định kỳ cho cán bộ, công nhân.

2.5. Các nội dung khác:

Phương án cải tạo, phục hồi môi trường:

- Khu vực khai thác: Cây gỗ đá treo, đá om trên các sườn tầng; cấm biển báo nguy hiểm; nạo vét rãnh thoát nước chân tầng; san gạt mặt bằng, phủ đất màu; trồng cỏ khu vực đáy moong.

- Khu vực xây dựng công trình: Tháo dỡ công trình, di dời máy móc thiết bị, san lấp ao lầy, rãnh thoát nước, bãi thải.

- Đối với khu vực xung quanh: Nạo vét mương thoát nước, Cải tạo tuyến đường ngoài mỏ.

3. Cam kết của chủ dự án

- Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc luật Bảo vệ môi trường;

- Công ty cam kết thực hiện nghiêm túc Luật Bảo vệ Môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 và Nghị định 48/2026/NĐ-CP của Chính Phủ ngày 29/01/2026; Nghị định 05/2025/NĐ-CP của Chính phủ ngày 06/01/2025; Nghị định 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ ngày 10/01/2022; Thông tư Số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 07/2025/TTBTNMT ngày 28/02/2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 09/2026/TT-BTNMT ngày 29/01/2026 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

- Cam kết thực thi các biện pháp giảm thiểu, khống chế ô nhiễm đã đề ra để đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn môi trường trong giai đoạn xây dựng, khai thác, chế biến đá và giai đoạn đóng cửa mỏ bao gồm:

- + Thực hiện đóng tiền ký quỹ môi trường theo quy định.
- + Lập báo cáo công tác bảo vệ môi trường hàng năm;
- + Đối với các tuyến đường ngoài mỏ liên quan trực tiếp đến dự án thì phải thực hiện phun nước giảm bụi, duy tu bảo dưỡng, cải tạo sửa chữa khi có hư hỏng;
- + Không thực hiện khai thác, vận chuyển đất vào những ngày mưa lớn.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Giám đốc

Vũ Quang Huy